

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về việc phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022; số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 582/TTr-SNNMT ngày 23/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện Đa khoa Đông Sơn (địa chỉ: Phố Nhuệ Sâm, phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Bệnh viện Đa khoa Đông Sơn, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Đa khoa Đông Sơn.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phố Nhuệ Sâm, phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 1923/TH-GPHĐ được Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 31/12/2024.

1.4. Mã số thuế: 2801416691.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Hoạt động khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích: 19.899 m².

- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công năm 2024): Dự án nhóm B.

- Dự án có tiêu chí về môi trường nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Công suất và quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất được xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường này:

+ Công suất: 200 giường bệnh; số lượt khám, điều trị ngoại trú theo thống kê lớn nhất khoảng 250 người/ngày.

+ Quy trình công nghệ hoạt động: Hoạt động trong lĩnh vực y tế: Bệnh nhân đến khám bệnh theo quy trình (bao gồm bệnh nhân ngoại trú và nội trú).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện Đa khoa Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa được cấp giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện Đa khoa Đông Sơn có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, khí thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (Kể từ ngày 05/5/2026 đến ngày 05/5/2036).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND phường Đông Sơn và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung Giấy phép; xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật (nếu có); chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh về công tác quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND phường Đông Sơn;
- Bệnh viện Đa khoa Đông Sơn;
- Lưu: VT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (xí, tiểu) phát sinh tại Nhà Khám bệnh Cận lâm sàng, Quản lý Hành chính, Cấp cứu, Nhi, Dược.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt (xí, tiểu) phát sinh tại Nhà khoa Nội Đông Y.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt (xí, tiểu) phát sinh tại Nhà khoa Truyền nhiễm.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt (xí, tiểu) phát sinh tại Nhà khoa Ngoại, Sản, Chuyên khoa.
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt (xí, tiểu) phát sinh tại Nhà khoa Chống nhiễm khuẩn.
- Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt (chứa dầu mỡ) phát sinh tại Nhà khoa Dinh dưỡng.
- Nguồn số 07: Nước thải sinh hoạt (nước thải giặt là) phát sinh từ Nhà khoa Chống nhiễm khuẩn.
- Nguồn số 08: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động tắm, rửa tay chân, giặt giũ, thoát sàn nhà vệ sinh.
- Nguồn số 09: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh nền sàn các khu nhà, lau sàn rửa buồng bệnh, vệ sinh buồng bệnh, vệ sinh các thiết bị lưu chứa chất thải.
- Nguồn số 10: Nước thải y tế phát sinh từ chậu rửa của các phòng khám, phòng làm việc chuyên khoa (không chứa các thành phần nguy hại) tại Nhà Khám bệnh Cận lâm sàng, Quản lý Hành chính, Cấp cứu, Nhi, Dược; Nhà khoa Nội Đông Y; Nhà khoa Truyền nhiễm; Nhà khoa Ngoại, Sản, Chuyên khoa.
- Nguồn số 11: Nước thải y tế từ phòng xét nghiệm, phòng Lab, phòng mổ, phòng nội soi.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Dòng nước thải gồm: 01 dòng nước thải của bệnh viện sau khi được xử lý qua hệ thống xử lý công suất 150 m³/ngày đêm, chảy ra mương thoát nước của khu vực cuối cùng chảy ra sông nhà Lê (nguồn tiếp nhận).

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước của khu vực, thuộc phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa sau đó chảy ra sông Nhà Lê - Đoạn chảy qua phía Bắc bệnh viện, phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Vị trí xả nước thải:

Mương thoát nước của khu vực, thuộc phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Tọa độ điểm xả (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°): X = 2192276 (m); Y = 574907 (m)

- Điểm xả nước thải ra môi trường được lắp đặt biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát hoạt động xả thải theo quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 89 m³/ngày đêm (làm tròn)

2.4. Phương thức xả nước thải:

- Phương thức xả thải: Nước thải sau xử lý tại Trạm xử lý nước thải tập trung tự chảy theo đường ống HDPE D250 ra nguồn tiếp nhận.

- Hình thức xả: Xả mặt.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận

- Kể từ ngày được cấp phép đến hết ngày 31/12/2031, chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT (cột B; K = 1,0) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cụ thể như sau:

	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động
1	PH	-	6,5 – 8,5	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50		
3	COD	mg/l	100		
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
5	Sunfua (tính theo	mg/l	4,0		

	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động
	H ₂ S)				
6	Hàm lượng N/NH ₄ ⁺	mg/l	10		
7	Hàm lượng P/PO ₄ ³⁻	mg/l	10		
8	Hàm lượng N/NO ₃ ⁻	mg/l	50		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20		
10	Tổng coliforms	MPN/100ml	5000		
11	Salmonella	Vi khuẩn/100 ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn/100 ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100 ml	KPH		

- Kể từ ngày 01/01/2032, chất lượng dòng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B, áp dụng đối với lưu lượng xả thải $F \leq 2000 \text{ m}^3/\text{ngày}$), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động
1	pH	-	6 - 9	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	≤ 60		
3	COD	mg/l	≤ 90		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 80		
5	Sunfua (S ²⁻) (tính theo H ₂ S)	mg/l	≤ 0,5		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤ 10		
7	Tổng N	mg/l	≤ 40		
8	Tổng P	mg/l	≤ 6		

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động
9	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 5		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤ 30		
11	Tổng Coliform	MPN/100 ml	≤ 5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh (từ khu nhà Khám bệnh Cận lâm sàng, Quản lý hành chính, Cấp cứu, Nhi, Dược; Nhà khoa Nội Đông Y; Nhà khoa Truyền nhiễm; Nhà khoa Ngoại, Sản, Chuyên khoa; Nhà khoa Chống nhiễm khuẩn) được thu gom qua đường ống nhựa D110 → Bể tự hoại 3 ngăn (Có 13 bể với tổng thể tích là 130m³) → Đường ống HDPE D250 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150m³/ngày đêm → Mương thoát nước khu vực.

- Nước thải phát sinh từ rửa tay chân, giặt giũ (từ khu nhà Khám bệnh Cận lâm sàng, Quản lý hành chính, Cấp cứu, Nhi, Dược; Nhà khoa Nội Đông Y; Nhà khoa Truyền nhiễm; Nhà khoa Ngoại, Sản, Chuyên khoa; Nhà khoa Chống nhiễm khuẩn) → Hố ga → Đường ống HDPE D250 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150m³/ngày đêm → Mương thoát nước khu vực.

- Nước thải nhà ăn khoa dinh dưỡng (từ khu nhà khoa Dinh dưỡng) → Được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ → Đường ống HDPE D250 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150m³/ngày đêm → Mương thoát nước khu vực.

- Nước thải giặt là (Từ nhà khoa Chống nhiễm khuẩn) → Hố ga → Đường ống HDPE D250 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150m³/ngày đêm → Mương thoát nước khu vực.

- Nước thải vệ sinh nền sàn, vệ sinh thiết bị lưu chứa chất thải → Hố ga → Đường ống HDPE D250 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150m³/ngày đêm → Mương thoát nước khu vực.

- Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động chuyên môn (từ khu nhà Khám bệnh Cận lâm sàng, Quản lý hành chính, Cấp cứu, Nhi, Dược; Nhà khoa Nội Đông Y; Nhà khoa Truyền nhiễm; Nhà khoa Ngoại, Sản, Chuyên khoa) → Đường ống HDPE D250 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150m³/ngày đêm → Mương thoát nước khu vực.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Công trình xử lý sơ bộ nước thải: Bể tự hoại: có 13 bể tự hoại 03 ngăn có tổng thể tích là 130m³, cụ thể:

+ Nguồn số 1: Có 4 bể (tổng thể tích 40 m³) đặt tại Nhà Khám bệnh Cận lâm sàng, Quản lý hành chính, Cấp cứu, Nhi, Dược.

+ Nguồn số 2: Có 4 bể (tổng thể tích 40 m³) đặt tại Nhà khoa Nội Đông Y.

+ Nguồn số 3: Có 3 bể (tổng thể tích 30 m³) đặt tại Nhà khoa Ngoại, Sản, Chuyên khoa.

+ Nguồn số 4: Có 1 bể tự hoại (thể tích 10 m³) đặt tại Nhà khoa Truyền nhiễm.

+ Nguồn số 5: Có 1 bể tự hoại (thể tích 10 m³) đặt tại Nhà khoa Chẩn đoán.

- Thiết bị tách dầu mỡ: 01 thiết bị có thể tích 2 m³

- Hệ thống xử lý nước thải: Có 01 hệ thống xử lý nước thải, công suất 150 m³/ngày đêm.

+ Vị trí: Hệ thống được đặt tại phía Đông Bắc của Bệnh viện Đa khoa Đông Sơn, phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

+ Các bể chức năng: Bể gom có thể tích 12,96 m³; Bể tách cát có thể tích 6,48 m³; Bể điều hòa có thể tích 6,48 m³; Bể Anoxic có thể tích 6,48 m³; Bể MBBR có thể tích 6,48 m³; Bể Arotank có thể tích 11,7 m³; Bể lắng có thể tích 5,8 m³; Bể bùn có thể tích 7,2 m³; Bể khử trùng có thể tích 6,48 m³.

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải bệnh viện (Nước thải vệ sinh xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại; nước rửa tay, thoát sàn, tắm qua song chắn rác; nước thải nhà bếp sau bể tách mỡ, nước thải vệ sinh nền sàn, nước thải vệ sinh thiết bị lưu chứa) → Rọ chắn rác thô → Bể gom → Rọ chắn rác tinh → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể MBBR → Bể Arotank → Bể lắng → Bể khử trùng → Nước thải đầu ra.

+ Hóa chất sử dụng: Ri đường, PAC, NaClO (hoặc hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định phần A Phụ lục này).

+ Các thiết bị công nghệ: Hệ thống bồn chứa, pha hóa chất, hệ thống bơm nước thải, bơm hóa chất, bơm bùn, máy thổi khí, động cơ khác.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố

- Bố trí nhân viên có chuyên môn vận hành trạm xử lý nước thải.
- Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho trạm xử lý nước thải. Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành) và tuân thủ định mức hóa chất. Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.
- Thường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các thiết bị hỏng hóc, vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.
- Kiểm tra hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.
- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...) để kịp thời thay thế khi hỏng.
- Với sự cố mất điện: Sử dụng nguồn điện từ máy phát điện dự phòng của bệnh viện.

1.4.2. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí các công trình, thiết bị phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung tại bệnh viện như sau:
 - + Trang bị máy bơm chìm dự phòng để phòng ngừa, ứng phó sự cố hỏng máy bơm.
 - + Trong trường hợp sự cố tại các bể xử lý, nước thải được chứa tạm vào bể điều hoà và nhanh chóng khắc phục, sửa chữa để hệ thống hoạt động trở lại.
 - + Thường xuyên kiểm tra đường dây cung cấp điện cho hệ thống xử lý đảm bảo luôn hoạt động tốt.

+ Định kỳ hiệu chỉnh thiết bị bảo vệ máy móc, thiết bị vận hành ở chế độ bảo vệ thiết bị; không hoạt động quá tải.

+ Định kỳ 3- 6 tháng/lần bổ sung chế phẩm sinh học BIO-S, BIO Phốt dạng bột để thông tắc bể phốt, bể lắng nhằm giảm thiểu sự cố tắc nghẽn tại các bể và đường ống.

1.4.3. Biện pháp ứng phó sự cố:

- Trường hợp hệ thống XLNT gặp sự cố:

+ Phải dừng hoạt động trạm xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

+ Khẩn trương sửa chữa, khắc phục sự cố để đưa hệ thống XLNT vào hoạt động trở lại.

- Khi hệ thống nước thải tập trung có sự cố hoặc nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Phần A của Phụ lục này, dừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận để thực hiện các biện pháp khắc phục, cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn quy chuẩn cho phép thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

+ Tương tự đối với từng thông số sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, Chủ dự án liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng trạm để xử lý kịp thời.

+ Trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng phải báo cáo với chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường để được hướng dẫn thực hiện khắc phục sự cố; khẩn trương tiến hành sửa chữa, thay thế thiết bị để khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong đưa hệ thống vận hành trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại khoản 1, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13, Điều 1, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện đầy đủ, đúng quy định các yêu cầu về bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép

môi trường đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh và Sở Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành trạm xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng nước thải đầu vào, đầu ra; các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và khối lượng hóa chất sử dụng; khối lượng bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành được lập bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải; không được xả nước thải chưa qua xử lý, cũng như không được lắp đặt các đường ống, thiết bị bơm để xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường.

- Bố trí đầy đủ nguồn lực, trang thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Lắp đặt đầy đủ biển báo, ký hiệu chỉ dẫn đối với điểm xả thải nước thải sau hệ thống xử lý ra môi trường; đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Trường hợp xảy ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường, cơ sở phải tạm dừng vận hành và kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND phường Đông Sơn để được hướng dẫn, giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố, ô nhiễm môi trường, bồi thường thiệt hại và chịu xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Bệnh viện Đa khoa Đông Sơn chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra ngoài môi trường.

PHỤ LỤC 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn phát sinh từ phương tiện giao thông ra vào bệnh viện.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh tại bệnh viện.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 04: Tiếng ồn phát sinh từ máy nén khí, máy bơm, quạt hút tại trạm xử lý nước thải tập trung.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

+ Kể từ ngày được cấp phép đến hết ngày 31/12/2026, tiếng ồn bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn cụ thể như sau:

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	6 giờ ÷ 21 giờ	21 giờ ÷ 6 giờ		
1	55	45	Không thực hiện	Khu vực đặc biệt

+ Kể từ ngày 01/01/2027, tiếng ồn bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (6 giờ đến trước 18 giờ)	Tối (18 giờ đến trước 22 giờ)	Đêm (22 giờ đến trước 6 giờ)		

1	50	45	40	Không thực hiện	Khu vực B
---	----	----	----	-----------------	-----------

2.2. Độ rung:

+ Kể từ ngày được cấp phép đến hết ngày 31/12/2026, tiếng ồn bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

TT	Giá trị tối đa cho phép về độ rung, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (6 giờ đến trước 22 giờ)	Đêm (22 giờ đến trước 6 giờ)		
1	60	55	Không thực hiện	Khu vực đặc biệt

+ Kể từ ngày 01/01/2027, độ rung bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	6 giờ ÷ 21 giờ	21 giờ ÷ 6 giờ		
1	60	55	Không thực hiện	Khu vực A

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bệnh viện quy định giờ vào thăm bệnh nhân (cụ thể: Sáng từ 5h đến 7h, trưa từ 11h30 đến 13h00, chiều từ 17h đến 21h30).

- Quy định các phương tiện ra vào bệnh viện tắt máy khi vào cổng và cấm bóp còi trong khu vực bệnh viện.

- Có các bảng nội quy yêu cầu y bác sỹ, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và khách đến thăm đi nhẹ, nói khẽ.

- Bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ hệ thống thiết bị sản xuất, thiết bị xử lý khí thải, máy phát điện. Đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Kê đệm cao su tại các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu mỡ bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động phù hợp với từng vị trí làm việc như: Găng tay, quần áo bảo hộ, kính bảo hộ, nút tai chống ồn.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên Bệnh viện nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung/.

PHỤ LỤC 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
I	Chất thải y tế nguy hại			10,73
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	13 01 01	3,22
2	Chất thải giải phẫu (<i>Chất thải lây nhiễm</i>)	Rắn	13 01 01	2,2
3	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	13 01 02	0,75
4	Chất thải là vỏ chai thuốc, lọ thuốc, các dụng cụ dính thuốc thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất (<i>Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm</i>)	Rắn	13 01 05	1,07
5	Dược phẩm gây độc tế bào thải	Rắn/lỏng	13 01 03	1,78
6	Chất thải y tế vỡ hỏng đã qua sử dụng có chứa thủy ngân, cadimin	Rắn	13 03 02	1,71
II	Chất thải nguy hại khác			8,44
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	1,85

2	Pin, ác quy thải	Rắn	16 01 12	1,2
3	Bao bì cứng (đã chứa chất thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composite)	Rắn	18 01 04	2,76
4	Than hoạt tính			2,63
III	Chất thải nguy hại phải kiểm soát			36,5
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	06 05 02	36,5
	Tổng khối lượng			55,67

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
I	Chất thải rắn không tái chế	57,176
1	Chất thải rắn sinh hoạt	36,5
2	Hóa chất thải bỏ không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại	9,417
3	Chất thải sắc nhọn không lây nhiễm, không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại	5,37
4	Chất thải rắn thông thường khác	5,88
II	Chất thải rắn tái chế	43,581
1	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất	14,673
2	Vỏ lọ vắc xin thải bỏ không thuộc loại vắc xin bất hoạt hoặc giảm độc lực	28,908
Tổng cộng		100,757

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thiết bị lưu chứa chất thải lây nhiễm:
 - + Đối với chất thải lây nhiễm sắc nhọn: thu gom vào hộp kháng thủng và có màu vàng (dung tích 5lít).
 - + Đối với chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: thu gom vào túi, thùng (có lót túi) màu vàng (dung tích 5lít và 15lít).
 - + Đối với chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao: thu gom vào túi, thùng (có lót túi) màu vàng (dung tích 15lít).
 - + Đối với rau thai, bệnh phẩm, chất thải giải phẫu: thu gom vào trong 2 lần túi, thùng (có lót túi) màu vàng (dung tích 15lít).
 - + Đối với chất thải nguy hại không lây nhiễm, CTNH khác (phát sinh trong sinh hoạt): thu gom vào túi, thùng (có lót túi) màu đen (dung tích 15lít).

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- + Nhà kho lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 18 m².
 - Thiết kế, cấu tạo: Nhà kho cấu tạo hệ vi kèo cột thép, mái lợp tôn, nền láng xi măng. Nhà kho được bố trí góc phía Tây của bệnh viện, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định.
 - + Bể betong lưu giữ rau thai, mô bệnh phẩm, chất thải giải phẫu: Bể có thể tích 10 m³.
 - Thiết kế, cấu tạo: tường, đáy và nắp đậy BTCT, bố trí tại góc phía Đông Bắc của bệnh viện, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

Khu vực lưu chứa CTNH của cơ sở phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kì chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Đối với chất thải rắn không tái chế:
 - + Các thùng đựng rác màu xanh có dung tích 5 lít, 15 lít, 60 lít, 120 lít, 240

lít/thùng bằng composite đặt tại khu vực xe tiêm thuốc, phòng khám, phòng chuyên môn, nhà vệ sinh, cuối hành lang các tầng, khu tập kết chất thải.

- + Xe thu gom có dung tích 0,5 m³/xe để thu gom và lưu trữ trong 1 thùng 660 lít và 02 thùng loại 240 lít có bánh xe đẩy, thùng có nắp đậy và dán đầy đủ nhãn mác tại khu vực lưu giữ.

- Đối với chất thải rắn tái chế:

- + Thu gom vào các thùng đựng rác màu trắng có dung tích 5 lít/thùng bằng composite hoặc túi nilon màu trắng.

- + Hàng ngày, nhân viên tổ vệ sinh thu gom tập trung vào các xe thùng Composite 120 lít, 240 lít, thùng có nắp đậy và dán đầy đủ nhãn mác tại khu lưu giữ chất thải tái chế để chờ đưa đi xử lý.

2.2.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Nhà lưu giữ chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế: diện tích 10,0 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa có mái lợp tôn, tường bao quanh, bố trí góc phía Đông Bắc của bệnh viện. Có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

- Bê tông lưu giữ chất thải sắc nhọn: Thể tích 10 m³, tường, đáy và nắp để BTCT, bố trí tại góc phía Đông Bắc của bệnh viện.

- Thiết kế, cấu tạo: Tường, đáy và nắp để BTCT, bố trí tại góc phía Đông Bắc của bệnh viện. Có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

5. Thực hiện trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường trong quá trình hoạt động của Cơ sở theo quy định của pháp luật./.

PHỤ LỤC 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN SAU KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN THI CÔNG DỰ ÁN.

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

2. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình hoạt động của dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực bệnh viện.

3. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Từ khi được cấp giấy phép đến ngày 31/12/2031 phải kiểm soát các thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng QCVN 28:2010/BTNMT (cột B; K = 1,0) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế; phải rà soát, cải tạo hoặc nâng cấp Trạm xử lý nước thải tập trung để đảm bảo nước thải xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B) kể từ ngày 01/01/2032. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường. Điểm xả nước thải sau xử lý được lắp đặt biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát hoạt động xả thải theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường).

6. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

7. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

8. Thực hiện quản lý bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

10. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

11. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai toàn bộ Dự án. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

12. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.